

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAC HA HYDROPOWER
THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 582 /2026/CBTT-BHHC-TCHC
No. 582 /2026/CBTT-BHHC-TCHC

Lào Cai, ngày 13 tháng 08 năm 2026
Lao Cai, date 13 month 08 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In accordance with Clause 2, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market, Bac Ha Hydropower Joint Stock Company hereby discloses its semi-annual financial statements for 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức:

Name of organization:

- Mã chứng khoán: BHA

Stock code: BHA

- Địa chỉ: Thôn Lũng Xa, xã Bảo Nhai, tỉnh Lào Cai

Address: Lung Xa Village, Bao Nhai Commune, Lao Cai Province

- Điện thoại liên hệ/Tel: +84 214 6294668 Fax: +84 214 6268606

Contact phone number /Tel: +84 214 6294668 Fax: +84 214 6268606

- Email: thanhluanvu155@gmail.com Website: <https://thuydienbacha.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Disclosed information:

- BCTC bán niên năm 2026

Semi-annual financial statements 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (TCNY does not have subsidiaries and superior accounting units with affiliated units);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (TCNY with subsidiaries);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

General financial statements (TCNY has an accounting unit under its own accounting apparatus).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases subject to explanation of causes:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

The auditing organization gives an opinion that is not a full acceptance of the financial statements (for audited financial statements in 2026):

☐ Có Have

☐ Không No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

☐ Có Have

☐ Không No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, transferred from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2026):

☐ Có Have

☐ Không No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

☐ Có Have

☐ Không No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the income statement of the reporting period varies from 10% or more compared to the same period of the previous year:

☒ Có Have

☐ Không No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

☒ Có Have

☐ Không No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Profit after tax in the reporting period is lost, transferred from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:

☒ Có Have

☐ Không No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation in case of integration:

☒ Có Have

☐ Không No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13 tháng 08 năm 2026 tại đường dẫn <https://thuydienbacha.vn>

This information was published on the company's website date 13 month 08 year 2026 at the link <https://thuydienbacha.vn>

Nơi nhận: 

Recipients:

- Như kính gửi;
As sent;
- Lưu TCHC.
Save: TCHC.

Tài liệu đính kèm:

Attachments:

- BCTC bán niên năm 2026;
Semi-annual financial statements 2026;
- Văn bản giải trình CV số: 582/2026/CV-BHHC-TCKT ngày 13 tháng 08 năm 2026.
Document explaining No. 582/2026/CV-BHHC-TCKT date 13 month 08 year 2026.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



**Nguyễn Thành Hưng
Nguyen Thanh Hung**



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 29

01/11/2017
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
KIỂM TRA
H. BẮC HÀ

Đ. N. 5300
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
H. BẮC HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tình	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Hà Văn Hiếu	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2026)
Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2026)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Hà Tuấn Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2026)
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2026)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thành Hưng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2026

123
T
H
IOÁ
T
N-1

C.I.C.P
AI *

Số: 081202/2026/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") được phê duyệt ngày 12 tháng 08 năm 2026 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.799.590.282	142.201.801.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.043.118.508	79.429.538.866
1. Tiền	111		943.118.508	2.699.538.866
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.100.000.000	76.730.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.756.471.774	62.772.262.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	36.342.512.624	60.533.987.975
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.201.714.320	559.603.446
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		2.212.244.830	1.678.671.092
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.277.454.703.662	1.322.782.108.539
I. Tài sản cố định	220		1.277.008.321.309	1.322.405.478.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.277.008.321.309	1.322.405.478.602
- Nguyên giá	222		2.634.905.683.459	2.634.905.683.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.357.897.362.150)	(1.312.500.204.857)
II. Tài sản dài hạn khác	270		446.382.353	376.629.937
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.4	446.382.353	376.629.937
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.351.254.293.944	1.464.983.909.918

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		390.526.607.239	388.816.194.731
I. Nợ ngắn hạn	310		267.784.432.587	201.927.989.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.905.089.506	5.652.644.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	849.198.938	849.198.938
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.10	99.000.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.6	2.312.731.278	19.975.480.766
5. Phải trả người lao động	315		1.314.409.397	1.057.339.294
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		427.858.333	427.858.333
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.9	8.357.521.538	2.281.362.980
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.11	144.477.078.492	170.858.969.500
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.140.545.105	825.135.323
II. Nợ dài hạn	330		122.742.174.652	186.888.205.152
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.12	122.742.174.652	186.888.205.152
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		960.727.686.705	1.076.167.715.187
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	960.727.686.705	1.076.167.715.187
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.144.636.226	14.639.363.292
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		283.583.050.479	401.528.351.895
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		288.777.106.580	234.510.156.264
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(5.194.056.101)	167.018.195.631
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.351.254.293.944	1.464.983.909.918

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Phê duyệt
Ngày 12 tháng 08 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.426.817.555	79.349.980.606
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.426.817.555	79.349.980.606
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.580.728.685	53.880.801.809
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.846.088.870	25.469.178.797
5. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	461.984.931	908.351.270
7. Chi phí tài chính	23	VI.4	13.097.804.797	21.191.107.188
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		13.097.804.797	21.191.107.188
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.233.749.122	5.260.903.625
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.023.480.118)	(74.480.746)
10. Chi phí khác	32	VI.6	170.575.983	198.062.304
11. Lợi nhuận khác	40		(170.575.983)	(198.062.304)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.194.056.101)	(272.543.050)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.194.056.101)	(272.543.050)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(79)	(4)
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(79)	(4)


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Phê duyệt
Ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(5.194.056.101)	(272.543.050)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	45.397.157.293	44.450.128.444
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(461.984.931)	(908.351.270)
Chi phí đi vay	06	13.097.804.797	21.191.107.188
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.838.921.058	64.460.341.312
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	21.019.623.536	(24.766.618.446)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(7.808.511.024)	2.568.959.861
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	(69.752.416)	188.056.323
Chi phí đi vay đã trả	14	(7.189.087.037)	(8.276.438.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.107.845.101)	(6.204.088.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.683.349.016	27.970.212.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(15.499.940.741)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	458.152.134	908.351.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	458.152.134	(14.591.589.471)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.477.078.492	9.557.363.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(96.005.000.000)	(97.964.139.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.527.921.508)	(88.406.776.371)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(47.386.420.358)	(75.028.153.264)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.429.538.866	122.043.769.533
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.043.118.508	47.015.616.269


Hà Thị Thùy
Người lập


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Phê duyệt
Ngày 12 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 09 ngày 22 tháng 05 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 660.000.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 48 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 129.838.811.805 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 59.726.188.200 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào khả năng huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nguồn thu từ hoạt động bán điện và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Giả định về khả năng hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà hiện vẫn đang vận hành ổn định sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu lớn cho Công ty trong các năm tiếp theo.
- Công ty sẽ tiếp tục nhận được các khoản cung cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần).

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 45
Máy móc và thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải	12 - 20

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí mua bảo hiểm thể hiện số tiền mua bảo hiểm nhà máy mà Công ty đã mua một lần cho nhiều kỳ kế toán, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách ưu đãi thuế: Theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024. Theo đó, năm 2024 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Năm 2026 sẽ là năm thứ mười lăm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	73.744.563	22.134.296
Tiền gửi không kỳ hạn	869.373.945	2.677.404.570
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai	788.433.057	2.624.312.679
Ngân hàng khác	80.940.888	53.091.891
Các khoản tương đương tiền (*)	31.100.000.000	76.730.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai	20.400.000.000	12.800.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	10.700.000.000	63.930.000.000
Cộng	32.043.118.508	79.429.538.866

- (*) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 - 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 2,60% - 8,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Chi nhánh Viettel Lào Cai
Cộng

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
VND	VND	VND	VND
3E.342.512.624	-	60.471.741.959	-
-	-	62.246.016	-
3E.342.512.624	-	60.533.987.975	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH MTV Đường bộ Lào Cai
Công ty Cổ phần Tư vấn Á Châu
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Môi trường
Công ty TNHH MTV Vimax Châu á
Trả trước cho người bán khác
Cộng

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
VND	VND	VND	VND
2.484.210.900	-	-	-
195.000.000	-	-	-
-	-	198.087.446	-
220.000.000	-	220.000.000	-
302.503.420	-	141.516.000	-
2.201.714.320	-	559.603.446	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	53.008.418	376.629.937
Chi phí bảo hiểm	393.373.935	-
Cộng	446.382.353	376.629.937

5. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu kỳ	1.698.290.692.452	817.252.178.499	119.362.812.508	2.634.905.683.459
Tại ngày cuối kỳ	1.698.290.692.452	817.252.178.499	119.362.812.508	2.634.905.683.459
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu kỳ	486.781.871.544	706.969.788.482	118.748.544.831	1.312.500.204.857
Khấu hao trong kỳ	19.637.708.825	25.708.259.496	51.188.972	45.397.157.293
Tại ngày cuối kỳ	506.419.580.369	732.678.047.978	118.799.733.803	1.357.897.362.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	1.211.508.820.908	110.282.390.017	614.267.677	1.322.405.478.602
Tại ngày cuối kỳ	1.191.871.112.083	84.574.130.521	563.078.705	1.277.008.321.309

Như trình bày tại Thuyết minh số V.12 - Vay và nợ thuê tài chính, Công ty đã thế chấp TSCĐ với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1.250.436.886.184 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.313.483.863.703 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với giá trị là 137.478.288.858 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 137.478.288.858 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Chi tiết tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhóm tài sản cố định	Số đầu kỳ			Số cuối kỳ		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nhà xưởng và vật kiến trúc	1.698.290.692.452	486.781.871.544	1.211.508.820.908	1.698.290.692.452	506.419.580.369	1.191.871.112.083
Nhà máy thủy điện	1.498.898.086.214	430.780.538.843	1.068.117.547.371	1.498.898.086.214	447.468.614.902	1.051.429.471.312
Chi phí giải phóng mặt bằng	153.553.908.739	44.964.441.173	108.589.467.566	153.553.908.739	46.661.151.604	106.892.757.135
Đường vận hành và tường phân dòng	18.597.849.074	-	18.597.849.074	18.597.849.074	619.928.303	17.977.920.771
Các tài sản khác	27.240.848.425	11.036.891.528	16.203.956.897	27.240.848.425	11.669.885.560	15.570.962.865
Máy móc và thiết bị	817.252.178.499	706.969.788.482	110.282.390.017	817.252.178.499	732.678.047.978	84.574.130.521
2 tổ máy	788.579.128.993	687.398.430.638	101.180.698.355	788.579.128.993	712.693.605.227	75.885.523.766
Hệ thống tiếp địa	14.175.722.974	14.175.722.974	-	14.175.722.974	14.175.722.974	-
Các tài sản khác	14.497.326.533	5.395.634.871	9.101.691.662	14.497.326.533	5.808.719.778	8.688.606.755
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	119.362.812.508	118.748.544.831	614.267.677	119.362.812.508	118.799.733.803	563.078.705
Đường dây 220KV	104.664.519.291	104.664.519.291	-	104.664.519.291	104.664.519.291	-
Các tài sản khác	14.698.293.217	14.084.025.540	614.267.677	14.698.293.217	14.135.214.512	563.078.705
Cộng	2.634.905.683.459	1.312.500.204.857	1.322.405.478.602	2.634.905.683.459	1.357.897.362.150	1.277.008.321.309

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.324.294.610	7.557.295.500	6.669.278.616	2.212.311.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.107.845.101	-	16.107.845.101	-
Thuế thu nhập cá nhân	53.448.987	2.393.855.482	2.359.026.930	88.277.539
Thuế tài nguyên	2.477.749.829	8.494.592.417	10.972.342.240	6
Các loại thuế khác	12.142.239	8.544.783.804	8.544.783.804	12.142.239
Cộng	19.975.480.766	26.990.527.203	44.653.276.691	2.312.731.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH TM Sài Gòn Ban Mai	-	2.729.512.500
Tập đoàn điện lực EVN	596.982.683	99.677.508
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Phải trả người bán khác	688.858.294	2.204.205.908
Cộng	1.905.089.506	5.652.644.445
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3)	619.248.529	619.248.529

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty NETCABOR Việt Nam	849.198.938	849.198.938
Cộng	849.198.938	849.198.938

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	264.218.439	188.700.875
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	261.369.211	169.445.977
Lãi vay phải trả	7.831.843.888	1.923.126.128
<u>Trong đó</u>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	7.831.843.888	1.419.761.534
- Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai	-	503.364.594
Phải trả khác	90.000	90.000
Cộng	8.357.521.538	2.281.362.980

10. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (i)	99.000.000.000	-
Cộng	99.000.000.000	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3)	40.594.474.500	-

- (i) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 274/2026/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
a. Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - CN Lào Cai (i)	5.000.000	5.477.078.492	5.000.000	5.477.078.492
b. Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.12)	170.853.969.500			139.000.000.000
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	170.858.969.500	5.477.078.492	5.000.000	144.477.078.492

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 900/22MB/HĐTD ngày 14 tháng 01 năm 2022 và phụ lục số 900/22MB/HĐTD/PL01 ngày 05 tháng 05 năm 2025. Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến ngày 14 tháng 05 năm 2025. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các loại thuế theo quy định. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng mua bán điện số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ BẮC HÀ ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà và các tài sản khác theo hợp đồng đảm bảo số 1621/21MB/HĐBBĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35089/24MB/HĐTD ngày 24 tháng 06 năm 2025 và phụ lục số 35089/24MB/HĐTD ngày 24 tháng 06 năm 2025. Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2025 đến ngày 24 tháng 06 năm 2028. Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân và lãi suất tương ứng được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các loại thuế theo quy định. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng kinh tế số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ BẮC HÀ ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa Công ty mua bán điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà và các tài sản khác theo hợp đồng đảm bảo số 1621/21MB/HĐBBĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long (ii)	233.698.469.787	-	64.500.000.000	169.198.469.787
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (iii)	124.043.704.865	-	31.500.000.000	92.543.704.865
Cộng	357.742.174.652	-	96.000.000.000	261.742.174.652
<u>Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (*)</u>	170.853.969.500			139.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	115.000.000.000			107.500.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai	55.853.969.500			31.500.000.000
Tổng	186.888.205.152			122.742.174.652

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 ngày 30 tháng 10 năm 2006 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung. Hạn mức tín dụng là 1.129 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 162 tháng. Mục đích vay là để thanh toán chi phí dự án công trình thủy điện Bắc Hà. Lãi suất cho vay được tính bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm và lãi suất biên 3.6%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất, các động sản và quyền tài sản khác và quyền sử dụng đất hình thành từ dự án (Thuyết minh số V.5 - Tài sản cố định hữu hình).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay vốn số 02/2009 ngày 13 tháng 06 năm 2009. Hạn mức tín dụng là 315 tỷ đồng. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà (Thuyết minh số V.5 - Tài sản cố định hữu hình).
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 và các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung. Hạn mức tín dụng là 156 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (31 tháng 10 năm 2007). Thời gian ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc là 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất trong hạn 7,8%/năm tính trên dư nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng, mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận trước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Tài sản bảo đảm là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà (Thuyết minh số V.5 - Tài sản cố định hữu hình).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	139.000.000.000	170.853.969.500
Từ năm thứ hai trở đi	122.742.174.652	186.888.205.152
Cộng	261.742.174.652	357.742.174.652
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	139.000.000.000	170.853.969.500
Số phải trả sau 12 tháng	122.742.174.652	186.888.205.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày đầu năm trước	660.000.000.000	12.185.316.581	314.164.758.425	986.350.075.006
Lãi trong năm	-	-	167.018.195.631	167.018.195.631
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	2.454.046.711	(2.454.046.711)	-
Chia cổ tức	-	-	(66.000.000.000)	(66.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(11.200.555.450)	(11.200.555.450)
Tại ngày đầu kỳ	660.000.000.000	14.639.363.292	401.528.351.895	1.076.167.715.187
Lỗ trong kỳ	-	-	(5.194.056.101)	(5.194.056.101)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.505.272.934	(2.505.272.934)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(8.350.909.782)	(8.350.909.782)
Thường Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành (*)	-	-	(2.895.062.599)	(2.895.062.599)
Tại ngày cuối kỳ	660.000.000.000	17.144.636.226	283.583.050.479	960.727.686.705

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 274/2026/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông.

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP	41,00%	270.629.830.000	41,00%	270.629.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	24,19%	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000
Các cổ đông khác	34,80%	229.704.170.000	34,80%	229.704.170.000
Cộng	100%	660.000.000.000	100%	660.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

14. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 1	4.837.568.040	4.837.568.040
Công ty TNHH MTV Anh Phương Hoàng	254.952.997	254.952.997
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vận tải Bình Phát	36.900.576	36.900.576
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xây dựng GNG	250.000.000	250.000.000
Xí nghiệp khảo sát xây dựng điện 1	40.710.824	40.710.824
Cộng	5.420.132.437	5.420.132.437

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất điện. Đồng thời hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy rủi ro và tỉ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	77.426.817.555	79.349.980.606
Cộng	77.426.817.555	79.349.980.606

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	58.580.728.685	53.880.801.809
Cộng	58.580.728.685	53.880.801.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	461.984.931	908.351.270
Cộng	461.984.931	908.351.270

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	13.097.804.797	21.191.107.188
Cộng	13.097.804.797	21.191.107.188

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.246.461.529	3.696.673.618
Thuế và các khoản lệ phí	2.296.802.876	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.690.484.717	1.561.230.007
Cộng	11.233.749.122	5.260.903.625

6. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí khác	170.575.983	198.062.304
Cộng	170.575.983	198.062.304

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(5.194.056.101)	(272.543.050)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	170.575.983	134.562.304
Các khoản điều chỉnh tăng	170.575.983	134.562.304
- Chi phí không được trừ khác	60.000.000	-
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	110.575.983	134.562.304
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.023.480.118)	(137.980.746)
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế	(5.194.056.101)	(272.543.050)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.194.056.101)	(272.543.050)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (*)	(79)	(4)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Công ty không thực hiện trừ quỹ khen thưởng phúc lợi để xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính giữa niên độ mà thực hiện điều chỉnh giảm giá trị quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính năm 2026.

- (*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	14.927.277.555	9.322.713.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.397.157.293	44.450.128.444
Thuế, phí và lệ phí	2.296.802.876	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài & bằng tiền khác	7.193.240.083	5.365.863.593
Cộng	69.814.477.807	59.141.705.434

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai (cũ). Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 đồng.

2. Các khoản nợ tiềm tàng

Chi phí hoàn nguyên

Công ty thuê đất của Nhà nước để phục vụ cho việc xây dựng và phát điện các dự án Thủy điện. Theo hợp đồng thuê đất và các quy định của Pháp luật hiện hành, Công ty có nghĩa vụ xử lý, khôi phục hoặc thực hiện các biện pháp phù hợp đối với tài sản gắn liền với đất khi hết thời hạn thuê.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá phạm vi việc cần thực hiện (bao gồm khả năng tháo dỡ, di dời và khôi phục), thời điểm thực hiện và các giả định hợp lý.

Do tồn tại các yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến yêu cầu kỹ thuật, phê duyệt quản lý Nhà nước và dữ liệu chi phí theo giá thị trường, giá trị nghĩa vụ chưa thể được đo lường một cách đáng tin cậy tại thời điểm này. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận dự phòng chi phí hoàn nguyên trong báo cáo tài chính giữa niên độ mà thuyết minh nghĩa vụ này như một khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Licogi - CTCP	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Cùng Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Ban lãnh đạo

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức đã trả	-	8.119.494.900
Tổng Công ty Licogi - CTCP	-	8.119.494.900

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả người bán	619.248.529	619.248.529
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	40.594.474.500	-
Tổng công ty Licogi - CTCP	40.594.474.500	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Chức danh</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch HĐQT	220.000.000	166.000.000
Ông Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch HĐQT	198.000.000	147.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Thành viên HĐQT	176.000.000	128.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	176.000.000	128.000.000
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.274.086.180	654.591.596
Ông Nguyễn Văn Tình	Phó Tổng Giám đốc	725.311.742	393.726.573
Ông Hà Văn Hiếu	Trưởng BKS (từ ngày 16/04/2026)	48.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng BKS (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 16/04/2026)	128.000.000	128.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS	154.000.000	109.000.000
Ông Hà Tuấn Hưng	Thành viên BKS (từ ngày 16/04/2026)	42.000.000	-
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên BKS (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 16/04/2026)	112.000.000	109.000.000
Cộng		3.253.397.922	1.963.318.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại/ Phân loại lại VND	Số sau trình bày lại/Phân loại lại VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.322.782.108.539	-	1.322.782.108.539
II. Tài sản dài hạn khác	270	376.629.937	-	376.629.937
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	-	376.629.937	376.629.937
2. Chi phí trả trước dài hạn	261	376.629.937	(376.629.937)	-

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại/ Phân loại lại VND	Số sau trình bày lại/Phân loại lại VND
7. Chi phí tài chính		21.191.107.188	-	21.191.107.188
Chi phí lãi vay	23	21.191.107.188	(21.191.107.188)	-
Chi phí đi vay	24	-	21.191.107.188	21.191.107.188

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại/ Phân loại lại VND	Số sau trình bày lại/Phân loại lại VND
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Chi phí lãi vay	06	21.191.107.188	(21.191.107.188)	-
Chi phí đi vay	06	-	21.191.107.188	21.191.107.188
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08			
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	188.056.323	(188.056.323)	-
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	-	188.056.323	188.056.323
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.276.438.389)	8.276.438.389	-
Chi phí đi vay đã trả	14	-	(8.276.438.389)	(8.276.438.389)

Hà Thị Thủy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc
Phê duyệt

Ngày 12 tháng 08 năm 2026

Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân
TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Lầu 4, Tòa nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường Tân Sơn Nhất,
TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 2, Số NP2-14
Đại lộ Nguyễn Hoàng, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **THÀNH CÔNG**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt,
Số 8 Đường V.I Lê Nin, Phường Vinh Phú,
Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
No. 1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Ward
Ha Noi City

☎ (+84 24) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Tan Son Nhat Ward
Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

02nd Floor, No. NP2-14
Nguyen Hoang Street, Hac Thanh Ward
Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

THANH CONG Branch

02nd Floor, Nha Viet Building
No. 8 V.I Le Nin Street, Vinh Phu Ward
Nghe An Province

☎ (+84 238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

www.icpa.vn